

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

MODULO LEA S3S MID T

MDLCHS3SMT

Da an toàn chất l ư ợn g **cao, không**
oạ ố**có kim** h i đ **ngoài** b ấ g **cao su theo Công**
n gh ệ **Tiger Grip**

Giày bảoiữa gó MODULO LEA S3S mang đế i p trên và g da
ch ố n g mềcao su Tiger kim trên t ự đ n
ngay cả trong điều k iệ n bùn l ầ y h oặc đá sỏi. Hoàn hảo
ru ộ ng việ c khắc n ghiệ t



BRN

CO₂
10.26 kg

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điên	Da ng
ót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
rong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	BASF PU/Cao Su (NBR)
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50
ng lượng t thép	0.670 kg
ẩn hóu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2023



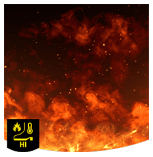
Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhi các ứng
dụng linh hoạt



nhiệ
nhiệ được nhiệt độ cao lên đến
300°C.



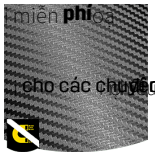
Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách (CI) tối
chúng
a bạn được mặc trong môi



Cách nhiệt **(HI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt (HI)
thường được mang trong môi
độ nóng. Nó
nhiệt độ bên
trong giày.



Tay nắm bậc **thang (LG)**
Đường viền được xác định đặc
giày
an toàn khi đứng trên thang.



Kim |
Giày an toàn không có
toàn thông thường. Chúng cũng
miễn **phí**
cho các chuyên
giày.

Công nghiệp n:

Biên t ập , Hoá h oạch o , Xây dự n g, Thự c tế m ẩm & Ngành công n ghiệ p , Dầu khi

ường: Môi t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mị n ờn, môi ẩm, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẩ cáp hầ hiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu đế n g cao cấp h ơn						
	Top: khả năng ch ống trượt ớ	? 0.8	7.8		ờ	mg/cm/g
	Top: h ấp thụ n ước sớ ơ	? 15	68			mg/cm2
ót bên trong	i 3D tái ch ế (100% tái ch ế)					
	L ớp lót: ch ống trượt ớ	? 2	42.7		ờ	mg/cm/g
	lót: h ấp thụ n ước sớ ơ	? 20	342.3			mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ BASF PU/Cao Su (NBR)					
	Ch ố n trượt g mài mòn (ế ngoài (	? 150	117			mm
	Chư ố trượt c gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t	? 0.31	0.44			ma sát
	rư Cột cố ợt bản g - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.42			ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t	? 0.19	0.29			ma sát
	Chư ố trượt SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.32			ma sát
	ị ch ố t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	32.1			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	65			megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g ót chân ủ	? 20	37			J
Đ ướ n g đầ	Nanocarbon					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.0			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5			mm

kích thước thép: 42

a chú Giày khôn có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh ng thái:

	Sự miêu t ả	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i CO# hát thả					
	V ật l iệu		7.98		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			10.26 kg CO2/ cặp		

	Sự miêu t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ý tái ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính t thay đổi.